

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
Tỉnh Thái Bình**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 28/6/2019

V/v: “ Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mã Siêu.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Sớm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST - HNGĐ ngày 01/3/2019 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX- ST ngày 12/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giang Thị L, sinh năm 1984.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Tiến D, sinh năm 1980.

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H - Phòng giao dịch L.

Địa chỉ: Xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trung H - Giám đốc phòng giao dịch Chi nhánh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Đức L - Phó Giám đốc phòng giao dịch Chi nhánh L.

- Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T - Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Huy T - Phó giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H.

(Chị L, anh D có mặt, ông T, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 18/02/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Giang Thị L trình bày: Chị và anh D kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 31/01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2011 thì xảy ra mâu thuẫn do anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm tới gia đình. Từ tháng 5/2017 cho đến nay chị và anh D sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Tiến D.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là Trịnh Thị Diệu L, sinh ngày 05/10/2002 và Trịnh Giang Tiến T, sinh ngày 28/5/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cả hai con chung đang sống cùng chị. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị và anh D có tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín diện tích khoảng 70m² xây dựng trên diện tích đất 100m² tại thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng. Ngoài nhà và đất trên thì chị và anh D không còn tài sản gì khác. Sau khi ly hôn chị L xin được tiếp tục sử dụng nhà và đất tại Thôn C, xã Đ, chị có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh D theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Chị và anh D còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H, phòng giao dịch L số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) và nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng). Hàng tháng chị vẫn trả lãi cho hai Ngân hàng theo như thỏa thuận trong Hợp đồng. Quan điểm của chị L đề nghị Tòa án chia đôi nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng và chị xin nhận trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho hai Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Trịnh Tiến D trình bày: Anh và chị L kết hôn với nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 31/01/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn do tính tình không hợp. Hiện tại anh và chị L sống ly thân. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh, xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là Trịnh Thị Diệu L, sinh ngày 05/10/2002 và Trịnh Giang Tiến T, sinh ngày 28/5/2013. Hai con chung

đang sống cùng chị L. Sau khi ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh và chị L có tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín diện tích khoảng 70m² xây dựng trên diện tích đất 100m² tại thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng. Ngoài nhà và đất trên thì anh và chị L không còn tài sản gì khác. Tại phiên tòa hôm nay anh cũng đồng ý để nhà và đất cho chị L tiếp tục sử dụng, chị L có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh theo như giá trị tài sản mà Hội đồng định giá tài sản đã định giá.

Về công nợ: Anh và chị L còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H, phòng giao dịch L số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) và Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng). Quan điểm của anh D nhất trí với ý kiến của chị L về phần trả nợ.

Tại bản tự ngày 26/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội huyện H do ông Trần Huy T- Phó giám đốc là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện H trình bày: Căn cứ hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện H thì ngày 30/12/2014 hộ chị Giang Thị L có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 12.000.000đồng. Hiện tại chị L vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền trên, số tiền lãi chị L vẫn trả đều cho Ngân hàng. Quan điểm của ngân hàng đề nghị Tòa án giao cho Chị L phải có trách nhiệm trả nợ số tiền 12.000.000đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H - Phòng giao dịch L do ông Đào Đức L- Phó giám đốc là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Phòng giao dịch L trình bày: Hộ gia đình chị L có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H, Phòng giao dịch L từ năm 2014 cho đến nay. Hiện tại chị L và anh D còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi hàng tháng chị L là người trả cho Ngân hàng. Quan điểm của Ngân hàng đề nghị Tòa án giao cho chị L phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi cho đến khi trả nợ xong.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời

hạn cho các đương sự. Đối với các đương sự chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Giang Thị L và anh Trịnh Tiến D; Về con chung: Giao hai con chung Trịnh Thị Diệu L, sinh ngày 05/10/2002 và Trịnh Giang Tiến T, sinh ngày 28/5/2013 cho chị Giang Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung và công nợ: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh D: Chia cho chị L được sở hữu và sử dụng ngôi nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín xây dựng trên diện tích đất 100m² tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải. chị L có trách nhiệm trả hai khoản nợ cho Ngân hàng và thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh D sau khi đối trừ đi khoản nợ; về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; chị L, anh D phải chịu án phí chia tài sản và án phí nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Trịnh Tiến D có hộ khẩu thường trú tại xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị Giang Thị L và anh Trịnh Tiến D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiền Hải - Phòng giao dịch Đông Long vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giang Thị L và anh Trịnh Tiến D kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Từ tháng 5/2017 cho đến nay chị L và anh D không chung sống cùng nhau, quan hệ vợ chồng giữa không còn tồn tại trên thực tế, cả chị L và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án xử cho ly hôn. Như vậy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Giang Thị L và anh Trịnh Tiến D.

[2.2] *Về con chung*: Chị Giang Thị L và anh Trịnh Tiến D có hai con chung là Trịnh Thị Diệu L, sinh ngày 05/10/2002 và Trịnh Giang Tiến T, sinh ngày 28/5/2013. Cả chị L và anh D đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, hiện tại hai con chung của chị L và anh D đang sống cùng chị L, cháu Trịnh Thị Diệu L có nguyện vọng xin được ở với mẹ còn cháu Trịnh Giang Tiến T, sinh ngày 28/5/2013 còn nhỏ. Vì vậy, để tạo điều kiện cho việc chăm sóc và học tập ổn định của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao hai con chung Trịnh Thị Diệu L và Trịnh Giang Tiến T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Cả chị L và anh D đều thống nhất xác nhận tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín diện tích 70m² xây dựng trên diện tích đất 100m² tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng. Ngoài nhà và đất, chị L và anh D không còn tài sản gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay chị L và anh D thống nhất thỏa thuận giao nhà và đất cho chị L sở hữu và sử dụng. Chị L có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh D. Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 09/5/2019, Hội đồng định giá tài sản huyện Tiền Hải xác định giá trị tài sản của chị L, anh D cụ thể như sau:

- Diện tích đất 100m² tại C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Loại đất ở nông thôn có giá là 600.000đồng/1m² x 100m² = 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng).

- Nhà mái bằng một tầng cùng công trình phụ khép kín xây dựng năm 2013 giá trị còn lại sau khấu hao là: 210.424.000đồng (Hai trăm mười triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản chung của chị L, anh D là: 270.424.000đồng (Hai trăm bảy mươi triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Chị L và anh D mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản chung là 135.212.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười hai nghìn đồng). Chị L có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung cho anh D là 135.212.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

[2.4]. *Về công nợ*: Chị L và anh D đều xác nhận vợ chồng còn nợ các khoản sau: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H - Phòng giao dịch L số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H số tiền gốc 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng). Hai khoản nợ này chị L và anh D đều thống nhất thỏa thuận giao cho chị L có trách

nhệm trả nợ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đề nghị Tòa án giao cho chị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng . Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh D về việc trả nợ, buộc chị L có trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện H - Phòng giao dịch L số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H số tiền gốc 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Đổi trừ đi khoản nợ anh D phải có nghĩa vụ trả là 31.000.000 (Ba mươi một triệu đồng) thì chị L còn phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung cho anh D là 104.212.000 đồng (Một trăm linh tư triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

[2.5]. *Về chi phí tố tụng*: Chị L và anh D có yêu cầu chia tài sản chung và đều yêu cầu định giá tài sản nên chị L, anh D phải chịu chi phí tố tụng cho việc định giá tài sản. Số tiền chi phí cho việc định giá tài sản chị L, anh D đã thi hành xong.

[2.6]. *Về án phí*: - Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật gồm: Án phí chia tài sản chung là 5.210.000 đồng; án phí nghĩa vụ trả nợ là 1.550.000 đồng.

- Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật gồm: Án phí chia tài sản chung là 5.210.000 đồng; án phí nghĩa vụ trả nợ là 1.550.000 đồng.

[2.7]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 51, 53, 55, 57, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Giang Thị L và anh Trịnh Tiến D.

2/ Về con chung: Giao hai con chung Trịnh Thị Diệu L, sinh ngày 05/10/2002 và Trịnh Giang Tiến T, sinh ngày 28/5/2013 cho chị Giang Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh Trịnh Tiến D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh D về việc chia tài sản chung của vợ chồng cụ thể như sau:

- Chia cho chị Giang Thị L được quyền sử dụng diện tích đất ở 100m² tại Thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 559136 do Ủy ban nhân dân huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình cấp ngày 07/7/2010 mang tên chị Giang Thị L và anh Trịnh Tiến D có giá trị là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng). Đất có các chiều cụ thể như sau:

- + Đông giáp thửa 22 (9) dài 20m
- + Tây giáp thửa 22 (11) dài 20m
- + Nam giáp thủy lợi dài 5m
- + Bắc giáp mặt đường giao thông dài 5m.

- Chia cho chị Giang Thị L được quyền sở hữu và sử dụng một ngôi nhà mái bằng cùng công trình phụ khép kín xây dựng trên diện tích đất 100m² tại Thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình có giá trị là 210.424.000đồng (Hai trăm mười triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

- Buộc chị Giang Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Trịnh Tiến D số tiền chênh lệch về tài sản sau khi đối trừ nghĩa vụ trả nợ cho anh D, số tiền còn lại chị L phải thanh toán cho anh D là: 104.212.000đồng (Một trăm linh tư triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

4/ Về công nợ: Buộc chị Giang Thị L phải có trách nhiệm trả các khoản nợ sau:

+ Trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Tiên Hải - Phòng giao dịch Đông Long số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

+ Trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

5/ Về án phí: - Chị Giang Thị L phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Hải theo biên lai thu số 0009483 ngày 01/3/2019 và phải nộp án phí chia tài sản chung là 5.210.000đồng (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng), án phí nghĩa vụ trả nợ là 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Hải theo biên lai thu số 0008970 ngày 14/3/2019. Chị L còn phải nộp tiếp số tiền 1.760.000đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Anh Trịnh Tiến D phải nộp 5.210.000đồng (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng) án phí chia tài sản chung và 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nghĩa vụ trả nợ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) anh D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải theo biên lai thu số 0009027 ngày 16/3/2019. Anh D còn phải nộp tiếp số tiền 1.760.000đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/6/2019).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chu Thị Linh